TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc
Ông Nguyễn Xuân Thí

Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc S, sinh năm 2000

Số CCCD: 044200003700

Nơi cư trú: Thôn Đồng T, xã Thạch H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình (*nay thôn Đồng T, xã Tuyên P, tỉnh Quảng Trị*); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2001

Số CCCD: 044301002911

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đạm T 1, xã Thạch H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình (*nay thôn Đạm T 1, xã Tuyên P, tỉnh Quảng Trị*). Hiện đang cư trú: Hòa M, Chương H, Đài T, Đài Loan (Taiwan); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn anh Hoàng Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2021 tại UBND xã Thạch H, huyện Tuyên H, tỉnh

Quảng Bình (nay xã Tuyên P, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình và cách sống không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi nên khoảng cuối năm 2021 vợ anh đã bỏ về nhà mẹ để sinh sống và sinh con bên nhà ngoại, từ đó vợ chồng sống ly thân. Đến đầu năm 2024, chị Nguyễn Thị L đi Đài L lao động nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, không còn tình cảm dành cho nhau và không còn khả năng hàn gắn lại được. Xét thấy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không còn quan tâm nhau, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, anh làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về quan con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc Bảo A, sinh ngày 11/4/2022. Hiện tại cháu đang sống với bà ngoại, sau khi ly hôn anh S có nguyện vọng muốn giao cháu Bảo A cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng và sẽ hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa tôn tạo được tài sản chung gì, không có nợ chung, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 07/5/2025 của bà Trần Thị T là mẹ ruột của bị đơn chị Nguyễn Thị L: Bà xác nhận địa chỉ của chị L tại Đài Loan mà anh S cung cấp cho Tòa án hoàn toàn đúng. Việc anh S làm đơn xin ly hôn con gái bà (Nguyễn Thị L), bà không có ý kiến gì, việc ly hôn của S và con gái bà đã được bà thông báo cho chị L biết và chị đồng ý, không có ý kiến gì. Vì điều kiện đi lại khó khăn nên chị L xin phép vắng mặt tại phiên tòa; về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Ngọc Bảo A, sinh ngày 11/4/2022, hiện cháu đang sống với bà, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Bảo A thay chị L đến khi chị L về nước; về tài sản chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà cam đoan sẽ nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho chị L và sẽ thông báo cho chị L biết.

Anh Hoàng Ngọc S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa. Anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L hiện đang làm việc và cư trú tại Đài Loan (Taiwan). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L, tuy nhiên cho đến nay vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của chị L. Tại phiên tòa lần thứ 2 chị L tiếp tục không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn – anh S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt; phía bị đơn chị Nguyễn Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 58, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Hoàng Ngọc S được ly hôn chị Nguyễn Thị L; Giao con chung là Hoàng Ngọc Bảo A cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng hiện tại chị L đang ở nước ngoài nên tạm thời giao cho bà Trần Thị T (bà ngoại) tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bảo A đến khi chị L về nước và buộc anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị L; về tài sản chung của vợ chồng không có nên không xem xét. Buộc các đương sự chịu án phí và lệ phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Vì chị Nguyễn Thị L đang cư trú tại Hòa M, Chương H, Đài T, Đài Loan (Taiwan). Như vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tiến hành phương thức tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua cơ quan Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc để tống đạt và thu thập chứng cứ đối với chị Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị cơ quan Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của anh S, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với chị L tại cơ quan Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của bị đơn và thông báo cho chị L biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa anh S và chị trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ chị L. Phía nguyên đơn – anh Hoàng Ngọc S cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 và các điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Ngọc S và chị Nguyễn Thị L. Vụ án do thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đương sự có đơn đề nghị giải quyết sớm nên Tòa án ra Thông báo thay đổi thời gian xét xử để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Ngọc S và chị Nguyễn Thị L là hợp pháp. Sau khi vợ chồng kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi chị L đi làm ăn ở nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa anh S và chị L không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, xử cho anh S được ly hôn chị L.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Giữa anh Hoàng Ngọc S và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc Bảo A, sinh ngày 11/4/2022. Nguyện vọng của anh S là sau khi ly hôn giao cháu Bảo A cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm đóng góp nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Hiện tại cháu Hoàng Ngọc Bảo A được bà Trần Thị T (mẹ ruột của chị L) chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trần Thị T cũng có nguyện vọng được thay mặt chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo A cho đến khi chị L về nước sẽ giao lại cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy từ khi sinh ra đến nay cháu A sống cùng mẹ và bà ngoại, cháu đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người phụ nữ, nguyện vọng của cả hai bên đều muốn giao cháu A cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó thấy cần tạm giao cháu A cho bà ngoại nuôi dưỡng cho đến khi chị L về Việt Nam là phù hợp với mong muốn của các bên và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/ tháng. Chị L không có ý kiến về việc cấp dưỡng, nên chấp nhận sự tự nguyện của anh S về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì vậy căn cứ các Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giao cháu Hoàng Ngọc Bảo A cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trong nom, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu Bảo A tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung . Trong trường hợp vì quy ền lợi chính đáng của con chưa thành niên, anh Hoàng Ngọc S và chị Nguyễn Thị L đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Anh Hoàng Ngọc S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: anh Hoàng Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Ngọc S và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 228, 238, các Điều 469; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Ngọc S được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung của vợ chồng là Hoàng Ngọc Bảo A, sinh ngày 11/4/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay chị L đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu Bảo A cho bà Trần Thị T là bà ngoại của cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Ngọc S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu Hoàng Ngọc Bảo A tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung . Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, anh Hoàng Ngọc S và chị Nguyễn Thị L đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4.Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: anh Hoàng Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005372 ngày 17/4/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (*nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị*) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Hoàng Ngọc S phải chịu 4.260.000 đồng (bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam. Số tiền này anh S đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, anh Hoàng Ngọc S có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa